

Bản án số: 103/2024/HS - ST
Ngày 22 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.

Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lèo Thị Chan, ông Lý A Tu, ông Cầm Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/HSST ngày 18 tháng 03 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 04 năm 2024, đối với bị cáo:

Quách Thị N; tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/02/1965 tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT: Tiểu khu F, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện tại: Chung cư T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Quách Văn Q (đã chết) và bà Bùi Thị X (đã chết); có chồng là Hoàng Văn T và 02 con (con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1997); tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2015/HSST ngày 14/12/2015, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo Quách Thị N 02 năm tù cho hưởng án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Quách Thị N: Ông Nguyễn Bá L - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh S. Có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ E, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Quách Thị H, sinh ngày 17/8/1964; nơi cư trú: Tổ E, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Tiến T1, sinh năm 1986; nơi ĐKNKTT: Tổ E, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; nơi ở hiện tại: Tổ A, phường C, thành phố S. Có mặt.

+ Chị Hoàng Thanh T2, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số D, ngách C, đường N, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ E, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Tiến D trú tại tổ E, phường C, thành phố S có 01 mảnh đất diện tích 185,9 m²; anh Nguyễn Tiến L1 (con trai ông D) cùng trú tại tổ E, phường C, thành phố S có 01 mảnh đất diện tích 159,6 m², cả hai mảnh đất nằm trong địa giới hành chính Tổ E, phường C, thành phố S và nằm trong diện thu hồi, giải phóng mặt bằng để xây dựng khu đô thị P. Ngày 07/10/2020, UBND thành phố S có Quyết định số 2921/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.160,6 m² đất của 09 hộ gia đình trong đó có đất của nhà ông D và nhà anh L1. Căn cứ theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất số 2922/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của UBND thành phố S, giá trị bồi thường đối với mảnh đất nhà ông D là 1.034.242.428 đồng; giá trị bồi thường đối với mảnh đất nhà anh L1 là 683.156.409 đồng.

Ông D biết Quách Thị N (chị họ bên vợ) trú tại tiểu khu F, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa hiểu biết pháp luật và các quy định Nhà nước về lĩnh vực đất đai. Khoảng tháng 10/2020, ông D nói chuyện qua điện thoại với N về việc gia đình có 02 mảnh đất thuộc diện đền bù, giải phóng mặt bằng tại khu đô thị P, thành phố S. Trong nội dung trao đổi, nắm được ông D có nguyện vọng được bồi thường với giá cao hơn nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông D. N nói có thể liên hệ, gặp gỡ người khác tác động đến việc bồi thường, qua đó ông D có thể nhận tiền bồi thường cao hơn quy định. Khoảng vài ngày sau đó, Quách Thị N đến nhà ông D xem đất, nói với hai bố con nhà ông D cứ nhận tiền đền bù theo quy định của nhà nước; bản thân N có nhiều mối quan hệ có thể tác động xin thêm tiền đền bù với mức chi phí khoảng từ 500.000.000 đến 600.000.000 đồng. Ông D đồng ý.

Sau khi quay về Hà Nội, bị cáo N yêu cầu ông D chuyển trước cho N 300.000.000 đồng để đi quan hệ, tác động xin thêm tiền đền bù. Tin tưởng N, ngày 14/11/2020, ông D chuyển cho N số tiền 300.000.000 đồng (đưa tiền cho Nguyễn Tiến T1 - con trai ông D, T1 đã nhờ Nguyễn Văn N1 bạn T1 trú tại tổ E,

phường C, thành phố S chuyển từ tài khoản của N1 mở tại ngân hàng M số 7850123336789 đến tài khoản của Quách Thị N mở tại ngân hàng V số 0781000458891) nội dung “Cháu tuyen chuyển tiền” và chuyển hình ảnh của 02 bìa đất cho bị cáo N. Đến ngày 16/11/2020, để ông D tiếp tục tin tưởng, N gửi tin nhắn qua Z, nội dung “*Chị làm xong việc rồi nhé; hộ em tặng thêm 1.5 tỷ; hộ cháu tặng thêm 870 tr nhé*”; yêu cầu ông D chuyển nốt 300.000.000 đồng còn lại, để lo thủ tục và đi cảm ơn. Ngày 11/12/2020 và ngày 29/12/2020, ông D tiếp tục chuyển 300.000.000 đồng đến tài khoản của Quách Thị N mở tại ngân hàng T3 số 19034449847019 bằng hình thức nộp tiền vào tài khoản.

Số tiền 600.000.000 đồng nhận được của ông D, bị cáo N chuyển 460.000.000 đồng đến tài khoản của Hoàng Thanh T2 (con gái N) trú tại ngõ C đường N, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội để đổi thành tiền mặt, bị cáo sử dụng chi tiêu cá nhân.

Ông D không nhận được thêm tiền đền bù như N trao đổi, nên đã nhiều lần yêu cầu N trả lại tiền nhưng N đều khất lần, không trả.

Ngày 06/02/2023, ông Nguyễn Tiến D gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S, tố giác Quách Thị N về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro Max màu vàng bên trong lắp sim có số thuê bao 0962.269.865.

Tại cáo trạng số 44/CT-VKS-P3 ngày 14/03/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Quách Thị N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- *Kiểm sát viên luận tội* giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo và đề nghị:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v, x khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Quách Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Quách Thị N từ 12 năm đến 13 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Quách Thị N phải có trách nhiệm trả cho bị hại là ông Nguyễn Tiến D và bà Quách Thị H số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Về vật chứng và án phí:

Trả lại cho bị cáo Quách Thị N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng bên trong lắp sim có số thuê bao 0962.269.865.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

- *Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:*

Luật sư nhất trí cáo trạng truy tố và luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, bị cáo có bố là Quách Văn Q là liệt sĩ, bản thân bị cáo có thành tích trong quá trình công tác là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng thời bị hại cũng có một phần lỗi. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới khung hình phạt áp dụng.

- Bị cáo nhất trí với đề nghị của Luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như luật sư đề nghị, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại: Đề nghị xử phạt bị cáo đúng theo quy định của pháp luật, buộc bị cáo bồi thường số tiền 600.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của những người làm chứng. Xét thấy, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu thập tài liệu và lấy lời khai của những người này lưu trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[3.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận tội, lời khai của bị cáo phù hợp lẫn nhau, đều thể hiện: Nhằm chiếm đoạt tiền của gia đình ông D, bị cáo N đã đưa ra thông tin gian dối về việc có khả năng xin thêm tiền đền bù giải phóng mặt bằng đối với hai mảnh đất của gia đình ông Nguyễn Tiến D. Tin tưởng bị cáo N, từ ngày 14/11/2020 đến ngày 29/12/2020 ông D đã chuyển cho bị cáo N 600.000.000đ, bị cáo Quách Thị N đã chi tiêu cá nhân hết.

[3.2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của lời khai của người bị hại và người làm chứng; phù hợp với kết quả kiểm tra dữ liệu điện tử do ông Nguyễn Tiến D cung cấp 04 tờ giấy A4 chụp ảnh màn hình thể hiện nội dung chuyển

khoản cho Quách Thị N với tổng số tiền 600.000.000 đồng (gồm 01 lần 300.000.000 đồng; một lần 200.000.000 đồng và một lần 100.000.000 đồng), một số ảnh chụp nội dung tin nhắn trên ứng dụng Zalo đến tài khoản tên “Chị N2” có số thuê bao đăng ký tài khoản Zalo là 0962269865 với nội dung tin nhắn của N gửi cho ông D: “Chị làm xong việc rồi nhé; hộ em tăng thêm 1.5 tỷ; hộ cháu tăng thêm 870 tr nhé”; điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng của Quách Thị N sử dụng xác định lắp sim số thuê bao 0962269865 là trùng khớp với số thuê bao đã đăng ký tài khoản Zalo tài khoản “Chị N2”; các file âm thanh do ông Nguyễn Tiến D cung cấp ghi âm lại việc hội thoại qua điện thoại di động giữa ông D với Quách Thị N có nội dung ông D đòi lại tiền đã bị chiếm đoạt, bị cáo N lấy lý do để khát trả; kết quả sao kê tài khoản số 0781000458891 mở tài ngân hàng TMCP N3 (V) và số tài khoản 190034449847019 mở tại ngân hàng TMCP K (T3) của bị cáo Quách Thị N xác định giao dịch trên sao kê là phù hợp với các giao dịch chuyển tiền của ông Nguyễn Tiến D đến tài khoản ngân hàng của Quách Thị N; các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ.

[3.3] Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Quách Thị N đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị 600.000.000đ. Bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo Quách Thị N có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Quách Thị N chiếm đoạt với tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “a) *Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;*” quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, quy định mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 Tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2015/HSST ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung quyết định xử phạt bị cáo Quách Thị N 2 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự; về án phí là 200.000đ, Quách Thị N đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự xác định tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới (14/11/2020) là chưa đủ 1 năm kể từ khi hết thời gian thử thách (14/12/2019). Do đó hành vi phạm tội của bị cáo Quách Thị N thuộc trường hợp “*Tái phạm*” được quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật

Hình sự, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo là con ruột của liệt sỹ Quách Văn Q đã hy sinh trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Tổ quốc ghi công theo Quyết định số 1032-TTga ngày 11/9/1978 của Thủ tướng Chính phủ; Bản thân bị cáo đã có quá trình công tác được Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Bằng khen số 39/QĐ-BTP ngày 21/01/2002. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Quách Thị N phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo đã chiếm đoạt số tiền lớn, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, trật tự quản lý hành chính Nhà nước, gây dư luận xấu tại địa phương. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên bị cáo thuộc trường hợp tái phạm cũng về tội lừa đảo, do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra để cải tạo và giáo dục riêng, đồng thời đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung, phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về hình phạt bổ sung (Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự): Kết quả điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo hiện không có tài sản không có điều kiện để thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền 600.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

[7] Về các đối tượng liên quan:

Đối với Hoàng Thanh T2 (con gái bị cáo) là người nhận số tiền 460.0000.000 đồng từ tài khoản của bị cáo N. T2 không biết nguồn gốc số tiền mà bị cáo N chuyển, không biết mục đích sử dụng số tiền của bị cáo, không được hưởng lợi gì từ hành vi của bị cáo. Do đó Hoàng Thanh T2 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với Nguyễn Tiến T1 (con trai ông D) là người đã được ông D đưa số tiền 300.000.000 đồng nhờ chuyển cho bị cáo N. Quá trình điều tra, T1 không biết mục đích sử dụng số tiền của bị cáo, không được hưởng lợi gì từ hành vi của bị cáo. Do đó Nguyễn Tiến T1 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn N1 là người chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản mang tên Quách Thị N. Quá trình điều tra đã xác định N1 được T1 nhờ chuyển tiền cho bị cáo N, N1 không biết gì về nội dung trao đổi giữa các bên. Do đó Nguyễn Văn N1 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo Quách Thị N.

[10] Về án phí: Bị cáo là con liệt sỹ nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1 Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s, v, x khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Quách Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Quách Thị N 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/10/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

1.2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Quách Thị N phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại Nguyễn Tiến D, Quách Thị H số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015”.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Quách Thị N 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro Max được niêm phong trong 01 phong bì của Công an thành phố S, còn nguyên niêm phong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/3/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh S và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Quách Thị N.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/4/2024).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự” ./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- PC04-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La.;
- Bị cáo; LS; NLQ
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lại Thị Hiếu